

# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI, THỰC TRẠNG VẬN DỤNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

★ PGS, TS TRẦN THỊ MINH TUYẾT

*Học viện Báo chí và Tuyên truyền*

● **Tóm tắt:** Tiến bộ, công bằng xã hội là tiêu chí quan trọng để “đo lường” tính ưu việt của chế độ xã hội. Hồ Chí Minh, với khát vọng mang lại hạnh phúc cho mọi người, luôn quan tâm đến tiến bộ, công bằng xã hội. Trên cơ sở phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh, bài viết đánh giá tình hình thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong thời kỳ đổi mới và đề xuất giải pháp thực hiện trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

● **Từ khóa:** Hồ Chí Minh; tiến bộ; công bằng xã hội; thời kỳ đổi mới; kỷ nguyên phát triển.

## 1. Mở đầu

Xây dựng một xã hội tiến bộ, công bằng luôn là khát vọng của loài người. Với lòng yêu nước nồng nàn và không chấp nhận sự bất công, mục nát của xã hội thuộc địa - phong kiến, Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước và từng bước thiết lập một xã hội tiến bộ, công bằng ở Việt Nam. Kế thừa tư tưởng của Người, trong gần 40 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhận thức mới và nỗ lực hành động để xây dựng một xã hội tiến bộ, công bằng ở nước ta. Đất nước đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ, công bằng xã hội để mang lại hạnh phúc cho nhân dân là yêu cầu cần thiết, khách quan.

## 2. Nội dung

### 2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ, công bằng xã hội

Tiến bộ xã hội và công bằng xã hội là những

khái niệm phản ánh trình độ phát triển của xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu về tự do, hạnh phúc của con người. Nói đến *tiến bộ xã hội* là nói đến sự vận động của xã hội từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ lạc hậu đến văn minh, hiện đại về phương thức sản xuất, hạ tầng cơ sở, thượng tầng kiến trúc, ý thức xã hội và mức độ thụ hưởng của nhân dân. *Công bằng xã hội* hiểu theo nghĩa chung nhất, là sự ngang bằng trong mối quan hệ giữa người và người về cơ hội phát triển, điều kiện phát triển và phân phối thu nhập dựa trên sự tương xứng giữa nghĩa vụ và quyền lợi, cống hiến và hưởng thụ. *Tiến bộ xã hội* và *công bằng xã hội* có quan hệ mật thiết với nhau. Công bằng xã hội là một tiêu chí cơ bản để phản ánh tiến bộ xã hội; tiến bộ xã hội lại là điều kiện mang tính nền tảng cho việc bảo đảm công bằng xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ, công bằng xã hội thể hiện ở một số nội dung sau:



Thứ nhất, *Hồ Chí Minh đánh giá cao tầm quan trọng của công bằng xã hội và trách nhiệm của Nhà nước trong thực hiện công bằng xã hội*. Bất công là cội nguồn của đấu tranh, cách mạng, thì công bằng, bình đẳng là điều kiện cho phát triển. Công bằng trong phân phối là điểm mấu chốt của công bằng xã hội và Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”<sup>(1)</sup>. Công bằng xã hội quan trọng bởi có nó thì mới có đoàn kết dân tộc, đồng thuận xã hội, sự tin tưởng của người dân đối với chính thể cầm quyền. Vì thế, Hồ Chí Minh mong ước xây dựng một xã hội mà “ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>(2)</sup>. “Ham muốn tốt bậc” đó của Hồ Chí Minh, thực chất là khát vọng về một xã hội mà ở đó, mọi người đều được công bằng trong thụ hưởng, trong cơ hội phát triển. Do trong xã hội tồn tại các cộng đồng dân cư với sự khác biệt về điều kiện, nguồn lực phát triển và khả năng thụ hưởng nên giải quyết tốt an sinh xã hội là biểu hiện rõ nét của công bằng xã hội. Vì thế, sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đề ra trách nhiệm của Chính phủ là “phải thực hiện ngay: 1. Làm cho dân có ăn/ 2. Làm cho dân có mặc/ 3. Làm cho dân có chỗ ở/ 4. Làm cho dân có học hành”<sup>(3)</sup>. “Dân” ở đây là mỗi người dân và toàn thể cộng đồng dân chúng.

Hồ Chí Minh cho rằng, cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc của nhân dân Việt Nam là “cuộc chiến đấu quyết liệt giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa văn minh và bạo tàn”<sup>(4)</sup> nhằm xóa bỏ áp bức của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, đem lại quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Như vậy, thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam là để xóa bỏ bất công, mang lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân và góp phần vào tiến bộ chung của nhân loại.

Thứ hai, *Hồ Chí Minh chỉ rõ bản chất của công bằng xã hội mà Việt Nam hướng đến là công bằng xã hội chủ nghĩa*. Hồ Chí Minh chỉ ra căn nguyên của bất công xã hội là do chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất: “Vì đâu có nỗi chẳng công bằng này? Vì một số ít người đã chiếm làm tư hữu những *tư liệu sản xuất* của xã hội”<sup>(5)</sup>. Là người đã trải nghiệm cả 3 loại hình chế độ (phong kiến - thuộc địa, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa), Hồ Chí Minh rút ra kết luận: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới”<sup>(6)</sup>. Khẳng định công bằng là một đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội, Người viết: “Chủ nghĩa xã hội là công bằng hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng”<sup>(7)</sup>.

Như vậy, công bằng xã hội mà Hồ Chí Minh muốn hướng tới là công bằng XHCN. Chỉ có chế độ XHCN mới “làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”<sup>(8)</sup>, nên muốn có công bằng xã hội thì phải đấu tranh giành độc lập dân tộc, xóa bỏ áp bức dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân và tiến lên CNXH.

Thứ ba, *Hồ Chí Minh chỉ rõ tính toàn diện của công bằng xã hội trong chế độ mới*. Theo Hồ Chí Minh, trong chế độ dân chủ nhân dân, công bằng xã hội phải được thực thi ở mọi lĩnh vực. Đó là *công bằng về chính trị* khi “nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”<sup>(9)</sup>. Đó là *công bằng về kinh tế* với sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế và thực hành phân phối theo nguyên tắc “làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng”<sup>(10)</sup> hay sử dụng hình thức “khoán”. Về *phương diện xã hội*,



đó là sự công bằng trong thực thi chính sách dân tộc, tôn giáo và bình đẳng nam nữ. Để giải quyết vấn đề dân tộc trong quốc gia đa dân tộc, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”<sup>(11)</sup> và “Chính phủ sẽ bãi bỏ hết những điều hủ tị cũ, bao nhiêu bất bình trước sẽ sửa chữa đi”<sup>(12)</sup>. Người cũng khẳng định, ở Việt Nam các tôn giáo bình đẳng, đoàn kết và mọi tín đồ đều được phép thực hiện đức tin, được hoạt động tín ngưỡng theo giáo lý và theo quy định của luật pháp. Là quốc gia chịu nhiều hệ lụy của tư tưởng “trọng nam, khinh nữ”, Hồ Chí Minh chủ trương giải phóng phụ nữ vì “nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”<sup>(13)</sup>. Về *phương diện văn hóa*, sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã ban hành sắc lệnh thành lập *Nha bình dân học vụ* để thực hiện mục tiêu “dạy tất cả các công dân để họ biết đọc và biết viết”<sup>(14)</sup>. Đó còn là *công bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ* khi dân “là chủ” thì phải có trách nhiệm “làm chủ”. Chủ trương bảo đảm công bằng xã hội trên mọi phương diện thể hiện tính triệt để, cách mạng trong quan điểm về công bằng xã hội của Hồ Chí Minh.

Thứ tư, *Hồ Chí Minh chỉ ra cách thức thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam*. Theo Hồ Chí Minh, *kiến tạo thể chế và thực thi công bằng là trách nhiệm của Nhà nước*. Sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Chính phủ cố gắng làm theo đúng ba chính sách: Dân sinh, Dân quyền và Dân tộc”<sup>(15)</sup>. Người nói rõ: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người”<sup>(16)</sup>. Để bảo đảm dân sinh, Chính phủ xóa bỏ các loại thuế vô lý của chế độ cũ, thi

hành chính sách giảm tô, giảm tức và nỗ lực giải quyết các vấn đề trọng yếu của đời sống như ăn, ở, mặc. Để bảo đảm dân quyền, Nhà nước ban bố, thi hành luật pháp theo nguyên tắc “công dân đều bình đẳng trước pháp luật”<sup>(17)</sup> và tạo ra các quy định, chuẩn mực để công dân điều tiết hành vi của mình sao cho phù hợp với lẽ phải, bảo đảm sự công bằng và trật tự xã hội. Hồ Chí Minh đã nỗ lực *xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân và kiên quyết chống tham ô, lãng phí, quan liêu, chống đặc quyền, đặc lợi*. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên không được lạm dụng quyền lực hay hống hách mà phải là “công bộc” của dân và gương mẫu thực hành nguyên tắc “khô trước, ướt sau”, đặc biệt trong phân phối lợi ích. Người cũng giáo dục nhân dân tinh thần đồng cam, cộng khổ, đoàn kết phấn đấu xây dựng một xã hội công bằng, văn minh theo triết lý “Mình vì mọi người, mọi người vì mình”, xóa bỏ tư tưởng vị kỷ, cá nhân chủ nghĩa.

Cùng các nội dung trên, Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội còn đặc sắc ở những quan điểm khác. Người khẳng định, *công bằng tuyệt đối không phải là cào bằng*, là bình quân chủ nghĩa nên đã giải thích: “Bình quân chủ nghĩa là gì? Là ai cũng như ai, bằng hết... Bình quân chủ nghĩa là trái chủ nghĩa xã hội, thế là không đúng”<sup>(18)</sup>. Mặt khác, *công bằng không loại trừ sự tương trợ, giúp đỡ, ưu đãi* vì nếu coi việc để những con người, những dân tộc có hoàn cảnh khác xa nhau, khả năng cống hiến khác nhau phải thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi như nhau là công bằng, bình đẳng thì “bình đẳng đó rất vô lý, rất xấu, chúng ta phải kiên quyết chống lại thứ bình đẳng đó”<sup>(19)</sup>. Do đó, cần “đặc biệt chú trọng các vùng bị chiến tranh tàn phá, các cháu mồ côi, các cụ già yếu và gia đình các liệt sĩ, thương binh, bộ đội, thanh niên xung phong”<sup>(20)</sup>.



Điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội còn ở chỗ: một mặt, Người luôn hướng đến mục tiêu xây dựng thành công CNXH ở nước ta; mặt khác, Người hiểu rằng, nước ta đang ở thời kỳ quá độ lên CNXH; khi chưa thể có công bằng “tuyệt đối” thì vẫn còn sự mất công bằng ở một mức độ nhất định, trong quá trình phát triển: “làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm”<sup>(21)</sup>.

Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (năm 1953), Hồ Chí Minh cho rằng, ở Việt Nam tồn tại nhiều thành phần kinh tế và với kinh tế tư bản tư nhân thì nhà tư bản “bóc lột công nhân, nhưng đồng thời họ cũng góp phần vào xây dựng kinh tế”<sup>(22)</sup>. Do đó, Người đưa ra nguyên tắc *công tư lưỡng lợi, chủ thợ đều lợi*. Người giải thích: “Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ lợi quyền của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức”<sup>(23)</sup>. Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội là biện chứng, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

## 2.2. Thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ, công bằng xã hội trong thời kỳ đổi mới

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội không phải lúc nào cũng được quán triệt đầy đủ. Trên thực tế, không ít lúc, ít nơi, “công bằng” đã bị biến thành “cào bằng”, “bình quân chủ nghĩa”; việc cải tạo XHCN với mục đích xóa bỏ nền kinh tế nhiều thành phần diễn ra có phần vội vã, duy ý chí. Bước sang thời kỳ đổi mới, Đảng có sự đổi mới tư duy về con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam, trong đó có tư duy về tiến bộ, công bằng xã hội.

Về *phương diện lý luận*, trong gần 40 năm qua, nhận thức của Đảng về công bằng xã hội có

sự thay đổi mạnh mẽ và ngày càng hoàn thiện. Tại Đại hội VI, lần đầu tiên “*vấn đề xã hội*” được nâng lên thành “*chính sách xã hội*” và đặt trong mối quan hệ với kinh tế: “Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế”<sup>(24)</sup>. Đại hội VI xác định phải “thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta”<sup>(25)</sup>. Đến Đại hội VII, Đảng đã khẳng định “thực hiện tốt chính sách xã hội là *động lực* thúc đẩy phát triển kinh tế”<sup>(26)</sup> chứ không chỉ là mục tiêu của kinh tế như ở Đại hội VI. Trong *Cương lĩnh* được thông qua tại Đại hội VII (1991), Đảng nhận thức rõ sự cần thiết phải “kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội”. Đến Đại hội VIII, Đảng nhấn mạnh sự gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội phải được thực thi *ngay trong từng bước phát triển* chứ không chờ kinh tế phát triển cao rồi mới giải quyết các vấn đề xã hội. Đảng có nhận thức mới về công bằng xã hội, rằng nó không chỉ dựa vào lao động mà còn phải căn cứ vào các đóng góp khác (vốn, trí tuệ, kinh nghiệm) và công bằng xã hội còn là *công bằng về cơ hội*, ở “đầu vào” của quá trình sản xuất: “Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình”<sup>(27)</sup>. Cũng tại Đại hội VIII, Đảng xác định “*xã hội công bằng*” là một đặc trưng của CNXH ở Việt Nam và đặc trưng này được tiếp tục khẳng định trong các văn kiện của Đảng sau này.

Đến Đại hội IX, cụm từ “an sinh xã hội” chính thức được sử dụng với chủ trương “từng bước mở rộng vững chắc hệ thống bảo hiểm và *an sinh xã hội*”<sup>(28)</sup>. Đến Đại hội X, Đảng nhấn mạnh “thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội



ngay trong từng bước và *từng chính sách phát triển*<sup>(29)</sup>, tức là, việc thực hiện công bằng xã hội phải thông qua chính sách của Nhà nước, đặc biệt là “chính sách bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân về giáo dục và đào tạo, tạo việc làm, chăm sóc sức khỏe, văn hóa - thông tin, thể dục thể thao”<sup>(30)</sup>.

Tại Đại hội XI, điểm mới trong nhận thức của Đảng chính là sự gắn kết tiến bộ và công bằng xã hội với *an sinh xã hội*. Do đó, ngoài việc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác như trước đây, Nhà nước còn “*phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội*”<sup>(31)</sup>.

Đến Đại hội XII, Đảng xác định *phát triển kinh tế - xã hội* là nhiệm vụ trung tâm<sup>(32)</sup>, tức là vấn đề xã hội được đặt ngang hàng với vấn đề kinh tế. Nhằm thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội, Đại hội XIII chủ trương “đổi mới cơ chế, huy động phân bổ và đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội” và “phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế”<sup>(33)</sup>. Cách thức thực hiện công bằng xã hội ở nước ta là: “Không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”; “không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội đều phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn”<sup>(34)</sup>.

Về phương diện thực tiễn, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những thành tựu trong mọi lĩnh vực. Trong kinh tế, Nhà nước công nhận nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu và hình thức phân phối. Về mức sống, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện khi GDP được nâng lên và đạt con số 4.700 USD vào năm 2024<sup>(35)</sup>. Nhà nước đã thực hiện tốt chương trình “Xóa đói, giảm nghèo” và tỷ lệ người nghèo năm 2024 là 1,93%<sup>(36)</sup>. Trong giáo dục, phổ cập giáo dục trung học cơ sở được hoàn thành từ năm 2010 và ngày 28-02-2025, Bộ Chính trị quyết định thực hiện chính sách miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập từ tháng 9-2025. Quyết định này tạo ra bước tiến để thực hiện phương châm “Không để ai bị bỏ lại phía sau”. Về y tế, Nhà nước xây dựng được chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe cho nhân dân, cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế và trợ cấp bảo hiểm y tế cho người nghèo; trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh miễn phí; tỷ lệ bao phủ của bảo hiểm y tế ở nước ta tăng nhanh, từ 60,9% (năm 2010) lên 91% (năm 2022)<sup>(37)</sup>. Nhà nước bảo đảm việc cung ứng dịch vụ công thiết yếu, xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng và phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm để hỗ trợ người dân trong những trường hợp rủi ro. Công tác đền ơn đáp nghĩa cho người có công được thực hiện ngày càng tốt hơn; quỹ phúc lợi xã hội không ngừng được mở rộng. Những thành tựu đó đã làm cho chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam không ngừng được nâng lên. Trong bảng xếp hạng năm 2024, chỉ số HDI của Việt Nam là 0,727, tăng 8 bậc từ vị trí 115 lên vị trí 107, tiếp tục nằm trong số các quốc gia đang phát triển có chỉ số HDI cao<sup>(38)</sup>.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội còn không



ít khó khăn, hạn chế. Do sức ép về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, nhiều ngành, địa phương chưa quan tâm đầy đủ đến việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Công tác xóa đói giảm nghèo đạt kết quả ấn tượng nhưng nguy cơ tái nghèo còn cao và tỷ lệ nghèo và cận nghèo tập trung ở vùng sâu, vùng xa, nhất là vùng dân tộc thiểu số, gây khó khăn cho việc thực hiện khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Về chính trị, tình trạng “dân chủ hình thức” vẫn tồn tại trong Đảng; các biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ đã triệt tiêu sự công bằng về cơ hội.

Về kinh tế, kinh tế tư nhân còn khó khăn trong tiếp cận các nguồn vốn, đất đai so với kinh tế nhà nước và các doanh nghiệp FDI; vai trò của đội ngũ doanh nhân chưa được nhận thức đầy đủ.

Về xã hội, bình đẳng nam nữ đã được khẳng định về phương diện pháp lý nhưng trên thực tế vẫn thiếu vắng điều kiện để thực hiện đầy đủ quyền; kết quả là tỷ lệ phụ nữ tham gia hoạt động xã hội vẫn thấp hơn so với nam giới. Về giáo dục, sự hạn chế của số lượng trường công trong hệ thống giáo dục công lập gây bất bình đẳng trong cơ hội thụ hưởng giáo dục miễn phí hay giá rẻ của trẻ em. Về y tế, tình trạng quá tải, chênh lệch về chất lượng ở các cơ sở y tế chưa được khắc phục; tuổi thọ của người dân tăng lên nhưng chất lượng sống chưa cao. Chế độ tiền lương vẫn mang tính bình quân chủ nghĩa, không công bằng với người đóng góp nhiều trí tuệ, công sức cho xã hội. Hệ thống an sinh xã hội còn sơ khai.

Những vấn đề tồn đọng trên là do Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Để trở thành nước phát triển theo con đường XHCN, Đảng, Nhà nước cần tiếp tục có sự đổi mới về cách thức thực hiện công bằng xã hội nhằm tạo động lực cho sự phát triển mọi mặt của đất nước.

### **2.3. Giải pháp thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên phát triển mới**

Hồ Chí Minh luôn khẳng định, Đảng ta không có lợi ích gì khác, ngoài lợi ích của nước, của dân. Lịch sử không ngừng phát triển, đất nước đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Lúc này, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội không chỉ khẳng định tính ưu việt của chế độ, tạo sự đồng thuận xã hội mà còn góp phần giữ vững ổn định chính trị, nâng cao uy tín của Đảng. Để đưa nghị quyết, chủ trương trở thành hiện thực thì cần có hệ thống giải pháp đúng đắn và quyết tâm thực hiện theo tinh thần “chỉ bàn làm, không bàn lùi”.

Một là, *nâng cao nhận thức* của toàn hệ thống chính trị, trước hết là của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, các cơ quan hoạch định chính sách và giám sát việc thực hiện chính sách, về tầm quan trọng của tiến bộ, công bằng xã hội. Bởi hiện nay, không ít cơ sở, cá nhân còn coi nhẹ các mục tiêu xã hội, chưa chú tâm nghiên cứu đề đưa ra những dự báo chiến lược về xu hướng biến đổi của xã hội; mục tiêu về công bằng xã hội chưa được cụ thể hóa thành những chỉ tiêu phù hợp với từng lĩnh vực, từng đối tượng dân cư, từng vùng, miền... Vì vậy, toàn hệ thống chính trị phải nhận thức sâu sắc rằng: tính ưu việt của chế độ, phẩm chất, tài năng của lực lượng cầm quyền, cuối cùng được “đo lường” bằng đời sống của nhân dân, mức độ thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Lúc này, vừa phải đấu tranh chống khuynh hướng “tả”, tức là việc chạy theo tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, vừa phải chống lại khuynh hướng hữu, tư tưởng dân túy với việc giải quyết các vấn đề xã hội vượt quá khả năng nền kinh tế. Công bằng xã hội đòi hỏi phải giải quyết rất nhiều công việc nên Đảng vừa phải đa dạng hóa nguồn lực dành cho chính



sách này, vừa phải xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện, như duy trì các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới và hải đảo... để bảo đảm nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau.

*Hai là, thể chế hóa chủ trương của Đảng, hoàn thiện chính sách, hệ thống pháp luật về tiến bộ, công bằng xã hội.* Ngày nay, công bằng không chỉ trong phân phối mà còn là công bằng về cơ hội. Do đó, Nhà nước phải tạo dựng khuôn khổ pháp lý để mọi người dân được thụ hưởng sự công bằng “từ vạch xuất phát” và trong mọi khía cạnh đời sống. Trong kinh tế cần có *Luật kinh doanh* để tạo cho mọi người cơ hội kinh doanh, làm giàu chính đáng. Trong chính trị, cần có cơ chế, chính sách để nhiều người ngoài Đảng có năng lực thích hợp có cơ hội ứng cử, tự ứng cử và được bầu vào cơ quan đại biểu của nhân dân. Để thực hiện bình đẳng nam nữ, bình đẳng dân tộc, cần có quy định pháp lý về tỷ lệ nữ và đồng bào dân tộc cao hơn nữa trong các cơ quan đại biểu của nhân dân. Công bằng còn là sự đánh giá, đãi ngộ, thù lao, khen thưởng tương xứng với đóng góp của mỗi người dưới nhiều hình thức như lao động, vốn liếng, trí tuệ, tài năng... Do đó, cần xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá, ưu đãi thông qua các kết quả thực tế, nhất là trong tôn vinh các trí thức và doanh nhân tiêu biểu.

*Ba là, đẩy mạnh quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị.* Tăng trưởng kinh tế là điều kiện để thực hiện mọi chính sách xã hội. Để phát triển bền vững, Việt Nam phải hướng đến phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn để có nguồn lực vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội.

Việc tinh gọn bộ tổ chức máy cần được nhanh chóng tiến hành. Trước hết là để chuyển

nguồn lực vốn dành cho bộ máy công kênh sang thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Tinh gọn bộ máy tạo cơ sở để cải cách thể chế, tạo thuận lợi cho nhân dân và doanh nghiệp khi tiếp cận các dịch vụ công.

*Bốn là, phát huy cao độ vai trò điều tiết, vai trò lãnh đạo của Nhà nước.* Kinh tế thị trường, nhất là kinh tế thị trường trong giai đoạn sơ khai, sẽ không tự động hướng đến tiến bộ và công bằng xã hội. Do đó, phải nâng cao năng lực điều tiết của Nhà nước để khắc phục tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, bảo đảm lợi ích của nhân dân. Nhà nước phải bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu và áp thuế tiêu thụ đặc biệt vào những mặt hàng cao cấp; dùng chính sách thuế để điều tiết thu nhập. Nhà nước cũng cần tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hệ thống bảo hiểm, đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ y tế, giáo dục. Sự phân tầng xã hội thái quá, sự nhũng nhiễu, lạm quyền của cán bộ công quyền, căn bệnh lãng phí... đều tác động tiêu cực đến việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nên Nhà nước phải đẩy mạnh việc kiểm soát quyền lực, chống tham nhũng, lãng phí. Nhà nước cần có chính sách phù hợp để ứng phó kịp thời với hệ lụy của biến đổi khí hậu và “già hóa dân số” vì các vấn đề này đang tạo ra rất nhiều thách thức về an sinh xã hội. Trong bối cảnh tinh gọn bộ máy và sự dịch chuyển nhanh chóng của thị trường lao động, Nhà nước cần xây dựng chiến lược đào tạo và đào tạo lại nghề cho người dân. Đẩy mạnh việc xây dựng nhà ở xã hội và có chính sách phân phối công bằng khi việc “an cư” của người dân ngày càng khó khăn.

*Năm là, cải cách hệ thống tư pháp để bảo đảm sự công bằng, bình đẳng về pháp lý cho mỗi người dân.*

Công bằng trong lĩnh vực tư pháp, hình sự có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi gắn với nó là



danh dự, sinh mệnh, tài sản của cá nhân, gia đình và nếu để xảy ra sai sót thì thường rất khó khắc phục, thậm chí, không thể khắc phục. Vì thế, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09-11-2022 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận”. Việc thực hiện pháp luật công bằng được hiểu là tất cả mọi tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện pháp luật, nhất là đối với nghĩa vụ pháp lý của mình; các chủ thể pháp luật không được vi phạm pháp luật, tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Muốn tránh oan sai trong hoạt động tư pháp thì phải hoàn thiện quy trình pháp lý và nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ tư pháp.

### 3. Kết luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: Chân lý là những gì có lợi cho dân. Sự đúng sai của đường lối, chính sách và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, cuối cùng, được “đo” bằng mức độ thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội và chỉ số hạnh phúc của nhân dân. Để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới thì trước hết, Đảng phải “vươn mình” để có tầm nhìn, ý chí, quyết tâm lớn hơn, cách làm sáng tạo hơn trong thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, qua đó, tạo sự phát triển bền vững cho đất nước và góp phần vào tiến bộ chung của toàn nhân loại □

Ngày nhận bài: 20-3-2025; Ngày bình duyệt: 09-5-2025; Ngày duyệt đăng: 05-6-2025.

Email tác giả: tuyetminh1612@gmail.com

(1), (4), (6), (20) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Nxb

Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.224, 475, 588, 596.  
(2), (3), (12), (15), (16) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Sdd, tr.187, 175, 130, 491, 21.

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Sdd, tr.247.

(7), (10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, Sdd, tr.404, 241.

(8), (11), (13), (17) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Sdd, tr.415, 371, 300, 377

(9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.13, Sdd, tr.66.

(14), (19), (21) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Sdd, tr.59, 300, 81.

(18) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Sdd, tr.583.

(22), (23) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Sdd, tr.266, 267.

(24), (25) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.420, 378.

(26) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.51, Sdd, 2007, tr.100.

(27) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.55, Sdd, 2015, tr.394.

(28) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.60, Sdd, 2016, tr.279.

(29), (30) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.65, Sdd, 2018, tr.65, 202.

(31), (34) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2022, tr. 8, 27.

(32) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.17.

(33) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.150.

(35) Xem: *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024*, <https://gso.gov.vn>, ngày 06-01-2025.

(36) Xem báo Nhân dân số tết năm Ất Tỵ 2025, tr.3.

(37) Xem: *Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 91,1% dân số*, <https://nhandan.vn>, ngày 07-12-2022.

(38) Xem: *Việt Nam tăng 8 bậc về Chỉ số phát triển con người*, <https://xaydungdang.org.vn>, ngày 15-3-2024.